ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1657/QĐ-UBND	*Thanh Bình, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thuộc thôn Nghè Lê Mỹ (đoạn nối từ tuyến ĐH10 qua khu dân cư đến cầu Nghè) và một số tuyến ngõ kết nối, xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 Quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2026 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 06 năm 2026 Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 của Chính phủ Quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số

254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án; Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026 Quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng; số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ xây dựng Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng: Hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng: Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ các Văn bản của Sở Tài Chính: số 2161/STC-TĐ ngày 06 tháng 9 năm 2025 về việc chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án đối với các dự án do cấp xã quyết định đầu tư; số 3450/STC-TĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc hướng dẫn trình tự thực hiện đối với các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công do cấp xã trực tiếp quản lý điều hành, thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ các Quyết định số 140/2025/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư;

Căn cứ các Văn bản của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình: Quyết định số 594/QĐ-SXD ngày 01/07/2026 của Sở Xây Dựng tỉnh Ninh Bình về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng chuyển đổi theo quy định tại Thông Tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Văn bản số 12966/CB-SXD ngày 06/11/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình về việc Công bố giá vật liệu xây dựng tháng 10 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND xã Thanh Bình về việc giao nhiệm vụ đại diện Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN do UBND xã Thanh Bình làm chủ đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của UBND xã Thanh Bình về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thuộc thôn Nghè Lê Mỹ (đoạn nối từ tuyến ĐH10 qua khu dân cư đến cầu Nghè) và một số tuyến ngõ kết nối, xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 13/10/2026 của UBND xã Thanh Bình phê duyệt nhiệm vụ, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu bước chuẩn bị dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thuộc thôn Nghè Lê Mỹ (đoạn nối từ tuyến ĐH10 qua khu dân cư đến cầu Nghè) và một số tuyến ngõ kết nối, xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Báo cáo số 1110/BC-NTP ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Nam Thuận Phát về kết quả thẩm tra Thiết kế và dự toán công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thuộc thôn Nghè Lê Mỹ (đoạn nối từ tuyến ĐH10 qua khu dân cư đến cầu Nghè) và một số tuyến ngõ kết nối, xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ báo cáo kết quả thẩm định số 62/KQTĐ-KT ngày 10/11/2026 thông báo kết quả thẩm định dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thuộc thôn Nghè Lê Mỹ (đoạn nối từ tuyến ĐH10 qua khu dân cư đến cầu Nghè) và một số tuyến ngõ kết nối, xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Thanh Bình tại tờ trình số 332/TTr-KT ngày 10/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thuộc thôn Nghè Lê Mỹ (đoạn nối từ tuyến ĐH10 qua khu dân cư đến cầu Nghè) và một số tuyến ngõ kết nối, xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình; với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thuộc thôn Nghè Lê Mỹ (đoạn nối từ tuyến ĐH10 qua khu dân cư đến cầu Nghè) và một số tuyến ngõ kết nối, xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Thanh Bình.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình.

5. Đại diện chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Thanh Bình.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Công ty TNHH thiết kế kiến trúc xây dựng Hà Nam.

7. Đơn vị tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Nam Thuận Phát.

8. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

9. Mục tiêu dự án: Đáp ứng nhu cầu đi lại, sinh hoạt của nhân dân; Đảm bảo tiêu thoát nước, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị; góp phần nâng cao khả năng khai thác cũng như tuổi thọ công trình.

10. Quy mô; một số chỉ tiêu, thông số chính của dự án:

10.1. Quy mô đầu tư: Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thuộc thôn Nghè Lê Mỹ (đoạn nối từ tuyến ĐH10 qua khu dân cư đến cầu Nghè) và một số tuyến ngõ kết nối, xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình, có chiều dài khoảng 1.046,93 m, gồm: Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp nền mặt đường, hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng, hệ thống ATGT và các hạng mục HTKT cần thiết khác trên tuyến.

10.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

10.2.1. Thiết kế nền, mặt đường

a. Thiết kế bình đồ:

Bám theo hiện trạng tuyến cũ; Nâng cấp, mở rộng mặt đường trên cơ sở hiện trạng của nhà dân hai bên tuyến. Tại một số vị trí hạn chế mặt bằng có châm chước yếu tố kỹ thuật (bán kính cong, siêu cao, bề rộng nền đường).

- Tuyến chính: Điểm đầu giao với đường ĐH10; điểm cuối cầu Nghè, chiều dài tuyến: 744.50m.

- Tuyến ngõ 1: Điểm đầu giao với tuyến chính tại cọc D2 (Km0+61.10); điểm cuối đến dân cư hiện trạng, chiều dài tuyến: 44.92m.

- Tuyến ngõ 2: Điểm đầu giao với tuyến chính tại cọc TC7 (Km0+259.18); điểm cuối đến dân cư hiện trạng, chiều dài tuyến: 257.51m.

b. Thiết kế trắc dọc

- Nguyên tắc thiết kế và tính toán

+ Cao độ điểm đầu và điểm cuối: Thiết kế vuốt nhập êm thuận với cao độ hiện tại trên đường cũ. Đảm bảo kết cấu mặt đường, êm thuận và phù hợp với dốc dọc tổng thể của tuyến đường thiết kế và các tuyến đường cũ.

+ Trên cơ sở dốc dọc cũ của mặt đường, thiết kế trắc dọc mới bao lấy trắc dọc cũ đảm bảo đoạn đổi dốc tối thiểu, tại điểm đầu và điểm cuối vuốt nhập vào đường cũ đảm bảo êm thuận (phù hợp với dốc dọc tổng thể), một số vị trí trên trắc dọc bị thấp sẽ được nâng cao độ lên và một số điểm cao bất thường sẽ được hạ bớt cao độ xuống để đảm bảo tối ưu thiết kế trắc dọc.

c. Thiết kế trắc ngang

*** Tuyến chính:**

- Bề rộng mặt đường: B mặt = 5.50m (Từ Km0+00 đến Km0+299.46 và từ Km0+421.14 đến Km0+744.50); đoạn Km0+299.46 – Km0+312.19 mở rộng chuyển tiếp từ 5.50m lên 6.00m; B mặt = 6.00m (Từ Km0+312.19 đến

Km0+389.68); B mặt = 7.50m (Từ Km0+389.68 đến Km0+421.14).

- Bề rộng lề đường: B lề theo hiện trạng mặt bằng; lề gia cố BTXM M200# đá 1x2 dày 12cm.
- Độ dốc ngang mặt đường: i mặt = 2%
- Độ dốc ngang lề đường: i lề = 4%

*** Tuyến ngõ 1, tuyến ngõ 2.**

- Bề rộng mặt đường B mặt = (3.0÷6.30)m theo hiện trạng khống chế hai bên nhà dân.
- Độ dốc ngang mặt đường: i mặt = 2%

d. Thiết kế nền, mặt đường.

- Kết cấu mặt đường tuyến chính:

Kết cấu 1: áp dụng trên mặt đường BTXM hiện trạng tận dụng.

+ Mặt đường BTN C16 dày 5cm;

+ Lớp bù vênh H<=3 (BTN C16) rải cùng lớp mặt 5cm;

+ Dán lưới cốt sợi thuỷ tinh tăng cường mặt đường để hạn chế nứt phản ánh từ mặt đường BTXM lên mặt đường BTN và để tăng cường cho lớp BTN.

+ Tưới dính bám mặt đường bằng nhựa nóng hàm lượng 1.0 kg/m2 trên phạm vi mặt đường bê tông hiện trạng;

+ Lớp mặt đường bê tông hiện trạng;

Kết cấu 2: áp dụng trên mặt đường BTXM hiện trạng tận dụng.

+ Mặt đường BTN C16 dày 5cm;

+ Tưới dính bám mặt đường bằng nhựa nóng hàm lượng 0.5 kg/m2 trên phạm vi mặt đường bù vênh

+ Lớp bù vênh chiều dày H>3 (BTN C16).

+ Dán lưới cốt sợi thuỷ tinh tăng cường mặt đường để hạn chế nứt phản ánh từ mặt đường BTXM lên mặt đường BTN và để tăng cường cho lớp BTN.

+ Tưới dính bám mặt đường bằng nhựa nóng hàm lượng 1.0 kg/m2 trên phạm vi mặt đường bê tông hiện trạng;

+ Lớp mặt đường bê tông hiện trạng;

Kết cấu 3: áp dụng trên mặt đường mở rộng.

+ Mặt đường BTN C16 dày 7cm;

+ Dán lưới cốt sợi thuỷ tinh tăng cường mặt đường để hạn chế nứt phản ánh từ mặt đường BTXM lên mặt đường BTN và để tăng cường cho lớp BTN.

+ Tưới dính bám mặt đường bằng nhựa nóng hàm lượng 1.0 kg/m2 trên phạm vi mặt đường mở rộng;

+ Lớp BTXM tăng cường đá 2x4 mác M250# dày 18cm.

+ Lớp móng CPDD dày 18cm.

+ Lớp đá lẫn đất K98 dày 30cm.

+ Lớp nền đường hiện trạng lu lèn bề mặt lại K95.

- Kết cấu mặt đường tuyến ngõ 1:

Kết cấu 4:

+ Mặt đường BTN C16 dày 7cm;

+ Tưới thấm bám mặt đường bằng nhựa nóng hàm lượng 1.0 kg/m2 trên phạm vi mặt đường mở rộng;

+ Lớp móng CPDD dày 15cm.

+ Lớp đá lẫn đất K98 dày 30cm.

+ Lớp nền đường hiện trạng lu lèn bề mặt lại K95.

- Kết cấu mặt đường tuyến ngõ 2:

Kết cấu 5:

+ Mặt đường BTN C16 dày 7cm;

+ Tưới thấm bám mặt đường bằng nhựa nóng hàm lượng 1.0 kg/m2 trên phạm vi mặt đường mở rộng;

+ Lớp móng CPDD lớp trên dày 15cm.

+ Lớp móng CPDD lớp dưới dày 18cm.

+ Lớp đá lẫn đất K98 dày 30cm.

+ Lớp nền đường hiện trạng lu lèn bề mặt lại K95.

*** Kết cấu nền đường**

Đào thay đất hoặc kết cấu nền đường đến hết chiều sâu kết cấu nền mặt đường mới. Đắp nền đường K98 dày 30cm, đáy khuôn đào đầm chặt K95. Tại vị trí có độ dốc ngang của nền tự nhiên lớn hơn 20%, trước khi đắp phải tạo bậc cấp. Tại các vị trí qua ao, mương, thùng đào, trước khi đắp phải đào bỏ lớp bùn dày trung bình (50÷100)cm, đoạn qua ruộng trước khi đắp đào bỏ lớp bùn dày TB 30cm. Nếu đắp trên phần lề đường cũ, trước khi đắp phải đào bỏ lớp đất không thích hợp dày 30cm, đào bỏ các gốc cây, bụi cây và di chuyển các cột điện cũ ra khỏi phạm vi lề đường thiết kế.

10.2.2. Kè đá hộc:

* Xây kè đá hộc một số vị trí qua ao, hồ trên tuyến chính, tuyến ngõ 2 cụ thể như sau:

Trên tuyến chính:

Đoạn 1: Trái tuyến từ Km0+122.84 đến Km0+133.84: L = 11.0m.

Đoạn 2: Phải tuyến từ Km0+482.55 đến Km0+527.37: L = 44.82m.

Đoạn 3: Phải tuyến từ Km0+596.00 đến Km0+613.86: L = 17.86m.

Đoạn 4: Phải tuyến từ Km0+655.30 đến Km0+705.36: L = 50.06m.

Trên tuyến ngõ 2:

Đoạn 1: Trái tuyến từ Km0+174.32 đến Km0+187.74: L = 13.42m.

Kết cấu kè đá hộc như sau:

- Gia cố cọc tre chân khay, cọc tre đường kính 6÷8cm,cọc dài 2.5m; mật độ 25 cọc/m2.

- Lớp đá dăm 4x6 đệm dày 10cm.
- Móng tường kè đá hộc vữa xi măng mác M100#.
- Thân tường kè đá hộc xây vữa xi măng mác M100#.
- Giằng tường kè được đổ bê tông đá 1x2 mác M200#.
- Cứ 15m bố trí 01 khe lún.

10.2.3. Thiết kế hệ thống thoát nước dọc.

a Cống hộp dọc tuyến.

*** Tuyến chính:**

- Thiết kế cống hộp BxH (800x1000)mm bên trái tuyến thay mương hiện trạng từ Km0+3.52 đến Km0+219.26.
- Thiết kế cống hộp BxH (400x500) bên trái tuyến từ Km0+219,26 đến Km0+239,20.
- Thiết kế cống hộp BxH (400x500) bên trái tuyến từ Km0+256.18 đến Km0+378.85
- Thiết kế cống hộp BxH (600x800)mm bên trái tuyến từ Km0+384.50 đến Km0+525.19.
- Thiết kế cống hộp BxH (400x500)mm bên trái tuyến từ Km0+539.09 đến Km0+698.71.
- Thiết kế cống hộp BxH (600x800) bên phải tuyến từ Km0+256.18 đến Km0+394.68.
- Thiết kế cống hộp BxH (400x500)mm bên phải tuyến từ Km0+417.55 đến Km0+474.41.
- Thiết kế cống hộp BxH (400x500)mm bên phải tuyến từ Km0+539.09 đến Km0+653.6.

*** Tuyến ngõ 1:**

- Thiết kế cống hộp BxH (400x500)mm bên trái tuyến từ Km0+00 đến Km0+44.92.

*** Tuyến ngõ 2:**

- Thiết kế cống hộp BxH (1000x1000)mm bên phải tuyến từ Km0+1.96 đến Km0+257.51.

*** Kết cấu cống hộp như sau:**

- Kết cấu cống hộp BTCT B400-H500: Cống hộp BTCT đá 1x2 M250 đúc sẵn, rộng cống B=40cm, chiều cao cống H=50cm thân cống dày 8cm, đáy cống dày 10cm, trần cống chiều dày 10cm; trên lớp đá 4x6 đệm dày 10cm;
- Kết cấu cống hộp BTCT B600-H800: Cống hộp BTCT đá 1x2 M250 đúc sẵn, rộng cống B=60cm, chiều cao cống H=80cm thân cống dày 10cm, đáy cống dày 10cm, trần cống chiều dày 10cm; trên lớp đá 4x6 đệm dày 10cm;
- Kết cấu cống hộp BTCT B800-H1000: Cống hộp BTCT đá 1x2 M250 đúc sẵn, rộng cống B=80cm, chiều cao cống H=100cm thân cống dày 10cm, đáy cống

dày 10cm, trần cống chiều dày 10cm; trên lớp đá 4x6 đệm dày 10cm;

- Kết cấu cống hộp BTCT B1000-H1000: Cống hộp BTCT đá 1x2 M250 đúc sẵn cấp tải HL93, rộng cống B=100cm, chiều cao cống H=100cm thân cống dày 11cm, đáy cống dày 11cm, trần cống chiều dày 11cm; trên lớp đá 4x6 đệm dày 10cm;

*** Ống HDPE D300 thu nước ngang đường:**

- Thiết kế ống HDPE D300 gân thành đôi ngầm dưới mặt đường thu nước từ phía bên kia mặt đường vào ga thu:

- Kết cấu ống cống D300: Ống cống HDPE D300 gân thành đôi sản xuất theo TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007, ISO 9001:2015

+ Chiều dài một đoạn ống L = 6.0m/đoạn.

+ Độ cứng vòng SN4 = 4 kN/m2.

+ Ống nối với nhau bằng miệng bát.

b. Hố ga, hố thu nước

- Thiết kế hệ thống hố ga thu nước đối với các tuyến có cống dưới lòng đường và thiết kế hố thu nước ngang đường kết hợp theo khoảng cách cho phù hợp để đảm bảo việc thu nước, lắp đặt tấm nắp bằng gang tải trọng (40T) KT100x100x7.5cm.(*Chi tiết các tổ hợp cửa thu xem bản vẽ chi tiết*).

- Kết cấu hố ga:

+ Đối với hố ga dưới đường: Tấm gang tải trọng 40T (*Nằm dưới đường*), KT100x100x7.5cm; Tường ga xây gạch XM cốt liệu M100#, vữa M75, trát tường vữa M75#; Bê tông móng ga M200 đá 1x2 dày 20cm; Đá dăm 4x6 đệm móng dày 10cm.

Hố thu nước ngang đường: Tấm nắp thu nước bằng gang KT 96x53x5cm tải trọng 40T; Tường hố thu BTCT đá 1x2 mác M250#; Đá dăm 4x6 đệm móng dày 10cm; Ống dẫn từ hố thu nước dẫn vào hố ga, rãnh thoát nước dọc bằng ống nhựa gân xoắn 2 lớp HDPE D300;

c. Cống ngang đường BTCT.

Trên tuyến chính thiết kế 05 vị trí cống tròn D600 ngang đường tại các vị trí tại Km0+133.80; Tại Km0+195.00; Tại Km0+378.50; Tại Km0+475.00; Tại Km0+539.00; 01 cống hộp BxH(1000x1000)mm ngang đường tại Km0+255.60 và 01 cống hộp BxH(1500x1500)mm ngang đường tại Km0+535.00.

- Kết cấu cống như sau:

Cống tròn BTCT D600, L=1m mua sẵn tải trọng HL93; đế cống đúc sẵn, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, đế cống bằng BTCT đúc sẵn đặt tại mối nối giữa 02 đốt ống; móng cống gia cố cọc tre dài 2.5m đường kính 6÷8cm mật độ 25cọc/m2.

Cống hộp BxH (1000x1000)mm mua sẵn BTCT rung ép ngàm âm dương bê tông M300 đá 1x2 dài 1,0m cấp tải HL93; Mối nối giữa 2 ống cống bằng vữa xi măng M125; Móng cống BTXM M200 đá 2x4; Đá dăm đệm móng đầm chặt dày 10cm; Gia cố móng cống bằng cọc tre d=6-8cm, L=2,5m; 25 cọc/m2.

Cống hộp BxH (1500x1500)mm mua sẵn BTCT rung ép ngàm âm dương bê tông M300 đá 1x2 dài 1,0m cấp tải HL93; Mối nối giữa 2 ống cống bằng vữa xi măng M125; Móng cống BTXM M200 đá 2x4; Đá dăm đệm móng đầm chặt dày 10cm; Gia cố móng cống bằng cọc tre d=6-8cm, L=2,5m; 25 cọc/m2.

d. Cửa xả.

Tường đầu, hèm phai xây bằng đá hộc VXM M100; Móng đầu cống bằng đá hộc xây VXM M100#; Đá dăm đệm móng đầm chặt, dày 10cm; Gia cố móng đầu cống bằng cọc tre d=6-8cm, L=2,5m; 25 cọc/m2; Bố trí cửa phai và khung thép có cấu tạo đóng mở và được sơn chống gỉ tại vị trí hèm phai.

10.2.4. Thiết kế hệ thống an toàn giao thông:

Hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT và Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN theo Quyết định số 6500/QĐ-TCĐBVN ngày 28/12/2020 của Tổng cục đường bộ Việt Nam:

- Gờ giảm tốc (vạch sơn): Trên các tuyến tại các vị trí giao cắt, trước các đoạn cong cua bố trí các cụm gờ giảm tốc, mỗi cụm 05 vạch sơn. Vạch sơn gờ giảm tốc dày 5mm, màu vàng, chiều rộng vạch 20cm, mép vạch này đến mép vạch kia 40cm, chiều dài vạch bằng bề rộng mặt đường.

- Hệ thống biển báo: biển báo hiệu tam giác cạnh 70cm, màng phản quang loại IV theo TCVN 7887:2018, cột biển thép mạ kẽm D90 mới dài 3,5m; bổ sung biển W.202 tại đường cong TD11 – TD12, biển W.201 tại đường cong TD15, biển P.127 hạn chế tốc độ 15 km/h và 03 gương cầu lồi tại các đường cong bán kính nhỏ (TD11 R = 5,00m; TD12, TD15 R = 6,00m).

- Cọc tiêu: 41 cọc tiêu BTCT 12x12cm, cao 0,7m, khoảng cách 3m dọc các đoạn kè sát ao (TCVN 10380:2014 Điều 6.12.1, 6.12.2).

- Viên vỉa gờ chắn bánh bê tông đá 1x2 mác M200#.

10.2.5. Phần điện chiếu sáng:

a. Quy mô thiết kế.

- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn xã Thanh Bình thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thuộc thôn Nghè Lê Mỹ (đoạn nối từ ĐH 10 qua khu dân cư đến cầu Nghè) và một số tuyến ngõ kết nối, xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình có chiều dài cáp treo 0.838 Km bao gồm: 26 bóng đèn Led 80W lắp trên 26 cột bê tông ly tâm hạ thế đã có

- Di chuyển 07 vị trí cột đèn chiếu sáng thép liền cần cao 7m để phục vụ dự án: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thuộc thôn Nghè Lê Mỹ (đoạn nối từ ĐH 10 qua khu dân cư đến cầu Nghè) và một số tuyến ngõ kết nối, xã Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình (tận dụng 07 đèn; tổng số đèn sau cải tạo 33 đèn).

b. Bố trí chiếu sáng:

Phần lắp trên cột bê tông li tâm đã có: Lắp đặt 26 bóng đèn cao áp LED 80W trên 26 cột điện hạ thế đã có. Cần đèn sử dụng cần đơn cao 1m vươn 1m mạ kẽm nhúng nóng. Cáp nguồn sử dụng cáp đồng CU/XLPE/PVC 3x16+1x10mm2. Dây lên đèn sử dụng dây đồng CU/XLPE/PVC 2x2.5mm2.

- Phần di chuyển cột đèn thép liền cần cao 7m: Tận dụng lại cột, đèn, bổ

sung dây cáp ngầm, dây lên đèn mới; cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 4x16mm2 từ cột Đ19 (cuối tuyến cáp treo) sang cột 01 dài 20m, đoạn qua đường luồn ống thép D108, đoạn dọc lề luồn ống HDPE 65/50

- Móng cột đèn thép bổ sung mới: Bê tông móng đổ tại chỗ M150#, đá 2x4; khung móng bằng bulông M24x300x675;

- Toàn bộ cáp được cố định trên cột bê tông bằng tấm móc, tăng đơ treo trên dây dưỡng cáp lụa F8

c. Phương án cấp nguồn.

- Cấp nguồn: Toàn bộ hệ thống chiếu sáng sẽ được cấp nguồn từ tủ điều khiển chiếu sáng xây dựng mới đặt tại cột 1.3.12 – TBA Bắc Sơn 6, lấy từ nguồn điện 0.4kV đã có (Thể hiện trong mặt bằng cấp điện chiếu sáng).

d. Điều khiển.

- Điều khiển cục bộ khu vực của mỗi tuyến theo role thời gian đặt trong tủ điều khiển đã được cài đặt

Chế độ điều khiển:

+ Buổi tối vận hành 100% số đèn (đóng K1 và K2)

+ Mùa hè từ 18h30 đến 24h

+ Mùa đông từ: 18h đến 24h

Chế độ đêm khuya từ 24h đến sáng hôm sau: K1 đóng, K2 cắt; các đèn vận hành tiết giảm công suất tự động 5 cấp tại đèn.

e. An toàn hệ thống.

- Bảo vệ chống ngắn mạch và quá tải: Các cáp trục được bảo vệ chống quá tải và ngắn mạch 2 cấp tại tủ điện bằng aptomat.

- Bảo vệ chống điện giật: Tất cả các chi tiết kim loại không mang điện được nối đất an toàn với điện trở nối đất không lớn hơn 10 Ohm bằng cách mỗi cột nối với 01 cọc tiếp địa bằng thép L63x63x6x2400.

- Tiếp địa, cột, cần đèn và giá đỡ cáp được mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn Việt Nam.

11. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- QCVN 02:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;

- QCVN 03:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế;

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 18:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng;

- Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT;

- Tiêu chuẩn thiết kế đường TCVN 4054:2005;

- Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế TCVN 10380:2014;

- Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38:2022/TCĐBVN;

- Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2023;

- Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2018;
- Công tác đất - Thi công và nghiệm thu TCVN 4447:2012;
- Cống hộp bê tông cốt thép TCVN 9116:2012;
- Ống bê tông cốt thép thoát nước TCVN 9113:2012;
- Thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017 (tải trọng thiết kế HL-93 áp dụng cho cống);
- Gối cống bê tông đúc sẵn TCVN 10799:2015;
- Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;
- Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2023;
- Lớp mặt đường bằng hỗn hợp bê tông nhựa nóng - thi công và nghiệm thu- phần 1 Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường TCVN 13567-1:2022;
- Tiêu chuẩn TCVN 7887:2018 Màng phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ;
- TCVN 8791:2011: Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang dẻo nhiệt - yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật TCVN 8818-1:2011;
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu TCVN 9115:2012;
- Kết cấu gạch đá - Thi công và nghiệm thu TCVN 4085:2011;
- Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế TCVN 13608:2023;
- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN: Gờ giảm tốc, gồ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế;
- TCXDVN 170:2007 Kết cấu thép - Gia công, lắp ráp và nghiệm thu - Yêu cầu kỹ thuật;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư: 16.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười sáu tỷ đồng chẵn.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	13.786.853.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	358.100.000	đồng
- Chi phí Tư vấn ĐTXD:	925.640.000	đồng
- Chi phí khác:	209.216.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	720.191.000	đồng

13. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

14.1.**Nguồn vốn đầu tư:** NS chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) xây dựng nông thôn mới (TW), NS CTMTQG xây dựng nông thôn mới (tỉnh), Ngân sách tỉnh; Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý và điều hành dự án theo quy định.

16. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Tổng giá trị các phần công việc theo tổng mức đầu tư; chi tiết các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Trên cơ sở Dự án và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị có liên quan tham mưu UBND xã triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND xã *(để b/c)*;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Xuân Hạnh

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU (KH LCNT)

(Kèm theo Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 11/11/2026 của UBND xã Thanh Bình)

TT	Chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (Tr. đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian tổ chức LCNT	Thời gian bắt đầu TC LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian TH gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động ĐT
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	UBND xã Thanh Bình	Gói thầu số 04: Thi công xây dựng	Thi công xây dựng công trình	13.862,440	NS chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) xây dựng nông thôn mới (TW), NS CTMTQG xây dựng nông thôn mới (tỉnh), Ngân sách tỉnh; Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Đấu thầu rộng rãi trong nước *(qua mạng)*	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	30 ngày	Quý IV/2026	Trọn gói	240 ngày	Không áp dụng	Không đề xuất
2		Gói thầu số 05: Tư vấn giám sát	Giám sát quá trình thi công xây dựng	416,708		Chỉ định thầu rút gọn		05 ngày			Theo tiến độ thi công *(240 ngày)*		
3		Gói thầu số 06: Lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT	Lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT	42,515							45 ngày		
4		Gói thầu số 07: Thẩm định E-HSMT, kết quả LCNT	Thẩm định E-HSMT, kết quả LCNT	26,490							45 ngày		
5		Gói thầu số 08: Tư vấn kiểm toán	Kiểm toán dự án hoàn thành	103,535					Quý IV/2027		30 ngày		
Tổng giá trị các gói thầu:				**14.451,688**									